

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HC-ST

Ngày: 25 - 7 - 2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhơn.

Ông Phạm Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HC ngày 10 tháng 11 năm 2020, về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HC ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Tấn M, sinh năm 1957 (đã chết ngày 28/11/2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1960.

2. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi;

3. Anh Nguyễn Thế A, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 275A ĐBP, phường 15, Quận TB, thành phố Hồ Chí Minh;

(Bà H, anh A, chị N là vợ và con của ông M)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thúy H và chị Nguyễn Thị Yến N: Bà Âu Thị T (sinh năm 1977, địa chỉ liên hệ: Thôn XY, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi), theo Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2021;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh Đ (sinh năm 1966, địa chỉ liên hệ: Số 57 đường T, Khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau).

**Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Số 52 đường V, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS;

Địa chỉ trụ sở làm việc: Số 395 đường P, thị trấn C, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS: Bà Bùi Thị H – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BS.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện BS.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS.

Địa chỉ trụ sở: Số 395 đường P, thị trấn C, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ủy ban nhân dân xã BH.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BH.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1960.

4. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thúy H và chị Nguyễn Thị Yến N: Bà Âu Thị T (sinh năm 1977, địa chỉ liên hệ: Thôn XY, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi), theo Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2021.

5. Anh Nguyễn Thế A, sinh năm: 1984.

Địa chỉ cư trú: 275A ĐBP, phường 15, Quận TB, thành phố Hồ Chí Minh;

6. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Số 234 S, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, bà Âu Thị T, chị Nguyễn Thị Yến N, bà Bùi Thị H đều có mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS, Ủy ban nhân dân huyện BS, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BH, anh

Nguyễn Thế A, bà Phạm Thị Thúy H đều vắng mặt có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt; ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Phạm Thị Thúy H, chị Nguyễn Thị Yến N, anh Nguyễn Thế A và người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 1480 chính là thửa đất 706 của hộ gia đình ông Nguyễn Tấn M được Ủy ban nhân dân huyện BS Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/1997; số vào sổ GCN: 00583 QSDĐ/688/QĐ-UB (H); Diện tích: 500m²; Tờ bản đồ số 5; Loại đất: 200m² đất ở lâu dài (T); 300m² đất vườn (V); địa chỉ: xã BH. Vị trí mặt tiền tiếp giáp trực tiếp Quốc lộ 1A (QL1A), ở Trung tâm xã BH, vị trí đối diện chợ Liên Trì, xã BH, cạnh Ủy ban nhân dân xã, Bưu điện xã và Trường Mẫu giáo xã. Năm 2017, Dự án xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A tại Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BS thu hồi 161m² đất đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Tấn M (vợ Phạm Thị Thúy H), loại đất: đất trồng cây hàng năm khác (HNK). Việc thu hồi đất tại thửa đất 1480 (thửa đất 706) hộ ông Nguyễn Tấn M là loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK) là không đúng.

Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BS áp giá bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông M về đất 212.520.000đồng. Tổng bồi thường, hỗ trợ: 346.340.830đồng với giá bồi thường, hỗ trợ 1.200.000 đồng/m² x 1.1 = 1.320.000 đồng/m², thửa đất 1480, vị trí 1, khu vực 3, tờ bản đồ số 2 là chưa đúng giá đất thực tế. Trong khi đó, thửa đất 1485 của hộ ông Nguyễn Tấn M1 mua lại của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BS, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi do Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Trung thẩm định giá ngày 27/04/2016 với giá đất vị trí 8, khu vực 1 với giá trị đất: 3.326.000 đồng/m². Diện tích 161m² đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Tấn M tại thửa đất 706, ở mặt tiền QL1A, vị trí 1 ngay Trung tâm của xã BH, tất nhiên giá trị đất của gia đình ông M sẽ cao hơn mức giá: 3.326.000 đồng/m² của thửa đất 1485 của ông Nguyễn Tấn M1 ở vị trí 8 năm 2016. Tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Quyết định 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nội dung: “*Tổng diện tích thu hồi từ ½ đến dưới 01 lần mức giao đất ở tại địa phương thì được giao 01 lô đất tái định cư bằng suất định cư tối thiểu tại địa phương*”. Quyết thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 đúng ra phải thực hiện theo quy định tái định cư của Quyết định 48/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện BS áp dụng Quyết định 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện tái định cư là không đúng. Bởi việc sửa đổi Điều 31 của Quyết định 48/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh thành Quyết định 73/2017/QĐ-UBND thời gian 78 ngày là không đúng theo quy định của pháp luật.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số: 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 1080/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn của gia đình ông Nguyễn Tấn M, không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại yêu cầu về bồi thường hỗ trợ của gia đình ông M; và xem xét các quyết định hành chính có liên quan: Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện BS; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện BS và Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện BS.

Trong quá trình tham gia tố tụng người bị kiện Chủ tịch UBND huyện BS có ý kiến trình bày như sau:

Thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 2 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017), xã BH, diện tích thửa đất 673m²; diện tích thu hồi 161m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), được Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 đối với hộ ông Nguyễn Tấn M bị ảnh hưởng bởi Dự án có vị trí: Đất trồng cây hàng năm tại vị trí 1, xã đồng bằng (ngoài thành phố QNg và huyện Lý Sơn): 30.000 đồng/m² (*Bảng 2 Mục 1 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của tỉnh Quảng Ngãi*). Đất mặt tiền đường Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Cháy đến giáp Cổng Khánh. Căn cứ theo quy định tại điểm b Mục 1 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của tỉnh Quảng Ngãi quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015 – 2019), thì thửa đất của ông Nguyễn Tấn M thuộc vị trí 3, khu vực 1, mức giá 1.200.000 đồng/m². Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất cho thấy việc xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường khi thu hồi đất được thực hiện theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017; do đó, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đơn giá đất bồi thường đối với loại đất HNK và hỗ trợ 50% giá đất ở là đảm bảo đúng theo quy định của Nhà nước. Việc yêu cầu giải quyết bồi thường, hỗ trợ việc tháo dỡ nhà vòm (nhà NK5) sẽ ảnh hưởng đến kết cấu nhà phía sau nhà cấp IV.C nằm ngoài phạm vi GPMB của dự án và đơn giá cây thân tài (Thiết Mộc Lan) thấp là không có cơ sở xem xét, vì theo biên bản kiểm tra hiện trường ngày 05/6/2019 xác định phạm vi ảnh hưởng nhà NK5 sau khi tháo dỡ sẽ không ảnh hưởng đến kết cấu nhà cấp IV.C liền kề, nằm ngoài phạm vi GPMB của dự án và việc tính đơn giá cây thân tài là đúng theo quy định tại trang 1 ban hành kèm theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 và Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Việc Khiếu nại của ông Nguyễn Tấn M yêu cầu cấp lô đất định cư là không có cơ sở xem xét theo quy định tại Điều 29 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND

ngày 06/11/2017 sửa đổi Điều 31 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; trình tự, thủ tục thực hiện và thẩm định quyền phê duyệt cơ bản đầy đủ và đúng với quy định pháp luật.

Việc Ủy ban nhân dân huyện BS ban hành các Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 26/4/2018; Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và Chủ tịch UBND ban hành Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của của hộ ông Nguyễn Tấn M, ở xã BH là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn M.

**Trong quá trình tham gia tố tụng người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến trình bày như sau:*

Thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 2, diện tích 673m², xã BH của hộ ông Nguyễn Tấn M quản lý, sử dụng nằm ở mặt tiền Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Cháy đến giáp Công Khánh; theo quy định tại tiết I.A.1, điểm b, Mục 2 Bảng giá số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019) thì thửa đất ở này của hộ ông Nguyễn Tấn M thuộc Vị trí 3, khu vực 1 (đơn giá 1.200.000 đồng/m²) với hệ số điều chỉnh 1,1 lần theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất cho thấy việc xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường khi thu hồi đất được thực hiện theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất; trình tự, thủ tục thực hiện và thẩm quyền phê duyệt cơ bản đầy đủ và đúng với quy định pháp luật. Ông M Khiếu nại về đơn giá tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất ở cho hộ ông với mức 1.320.000đ/m² là quá thấp, yêu cầu xem xét tính toán bồi thường tương tự như trường hợp nhà nước bán đấu giá đất cho ông Nguyễn Tấn M1, ở xã BH là không có căn cứ pháp lý để xem xét giải quyết.

Đối với việc tháo dỡ nhà vòm (NK5) ở phía trước: Qua kiểm tra hồ sơ bồi thường của hộ ông Nguyễn Tấn M cho thấy, ngày 20/9/2018, đại diện các cơ quan gồm: Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện BS, Ủy ban nhân dân xã BH đã kiểm tra hiện trạng và làm việc với hộ ông Nguyễn Tấn M về yêu cầu kiến nghị bồi thường phần nhà phía sau khi tháo dỡ nhà vòm NK5 sẽ bị ảnh hưởng đến kết cấu bên trong, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình ông, kết quả kiểm tra thực tế của các cơ quan, cho thấy: Phần mái vòm NK5 được liên kết với phần nhà phía sau bằng những thanh sắt, kết nối vào tường, tựa trên phần nhà phía sau, do đó khi tháo dỡ mái vòm NK5 thì sẽ không ảnh hưởng đến kết cấu hiện tại phần nhà phía sau. Phần nhà cấp IVC phía sau nhà vòm NK5 nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng. Do đó, yêu cầu bồi thường hỗ trợ công trình nhà

cấp IV.C nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án bị ảnh hưởng do việc tháo dỡ nhà vòm nhà khác (NK5) ở phía trước của hộ ông Nguyễn Tấn M là không có cơ sở pháp lý và thực tiễn để xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu cấp đất tái định cư: Ủy ban nhân dân huyện BS đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 với diện tích 161m², loại đất HNK tại thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017) của hộ ông Nguyễn Tấn M. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước chỉ hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở. Do đó, trường hợp của hộ ông Nguyễn Tấn M bị thu hồi loại đất HNK nên không được hỗ trợ tái định cư là đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1080/QĐ - UBND ngày 31/7/2020 giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của hộ ông Nguyễn Tấn M là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Nguyễn Tấn M hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện BS có ý kiến như sau:* Thống nhất với ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS tại các Văn bản đã gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã BH có ý kiến như sau:* Thống nhất với ý kiến trình bày về nguồn gốc thửa đất 1480 ông Nguyễn Tấn M đang quản lý, sử dụng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS đã trình bày.

Việc Ủy ban nhân dân huyện BS ban hành Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 26/4/2018; Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của của hộ ông Nguyễn Tấn M, ở xã BH là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt Ban quản lý tỉnh) trình bày:* Ban Quản lý tỉnh là cơ quan có nhiệm vụ tham mưu, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện BS ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có hộ ông Nguyễn Tấn M ở xã BH) liên quan đến việc thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A năm 2017. Căn cứ theo các Quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện BS, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân. Việc ông M không đồng ý với các quyết định hành chính của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện BS, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Ban quản lý tỉnh không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Ông Nguyễn Thế A – người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền, nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thúy H, chị Nguyễn Thị Yến N là bà Âu Thị T tại phiên tòa trình bày: Thống nhất như ý kiến trình bày của người khởi kiện, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện đã trình bày ở trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS, quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.*

**Ông Nguyễn Thanh Đ – người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến bảo vệ như sau:*

Về nguồn gốc đất ông Nguyễn Tấn M sử dụng phần đất từ năm 1980, đến 1997 được UBND huyện BS cấp GCNQSD đất số 00538 diện tích 500m² (trong đó: 200m² đất ở, 300m² đất vườn), thửa đất 706 (nay là thửa đất 1480), tờ bản đồ số 5, xã BH. Năm 2017 Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quốc lộ 1A (đoạn Km1027-Km1045+780) tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã BH đã thu hồi đất ở và căn nhà mặt tiền thửa đất 706 (hiện nay là thửa 1480), tổng diện tích thu hồi là 161m² của gia đình ông Nguyễn Tấn M. Ủy ban nhân dân huyện BS đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, thu hồi của hộ ông Nguyễn Tấn M tại thửa đất 1480, tờ bản đồ số 02, xã BH, diện tích thu hồi là 161m², loại đất thu hồi là đất trồng cây hàng năm khác là không đúng thực tế. Căn cứ để xác định phần diện tích đất 161m² của hộ ông Nguyễn Tấn M bị thu hồi là Phiếu xác nhận đo đạc hiện trạng thửa đất 1480 (nguyên là thửa đất số 706), tờ bản đồ số 2, đất ONT ngày 21/4/2017; bản kết quả xác minh lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất ngày 22/6/2017; giấy xác nhận về quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng loại đất (T) 200m²; bản kê khai về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân hộ ông Nguyễn Tấn M; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 706, diện tích 200m² đất ở được UBND huyện BS cấp ngày 25/12/2017. Ủy ban nhân dân huyện BS thu hồi và áp giá bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn M tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017. Không đồng ý với Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 về việc thu hồi của hộ ông Nguyễn Tấn M, Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Tấn M nên ông M đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện BS, Chủ tịch UBND huyện BS bác nội dung khiếu nại của ông M tại Quyết định 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; ông M tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhưng Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông M tại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 1080/QĐ-UBND ngày 31/07/2020.

Nhận thấy các quyết định hành chính nói trên đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông M nên nay yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy bỏ các Quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số: 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 1080/QĐ-UBND ngày 31/07/2020

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn của gia đình ông Nguyễn Tấn M, không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại yêu cầu về bồi thường hỗ trợ của gia đình ông M; Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện BS, áp dụng thu hồi loại đất ở theo đúng quy định; một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện BS, áp đặt bồi thường đơn giá đất đúng với thực tế và hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Tấn M 01 lô đất tái định cư và Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện BS.

**Ý kiến của bà Bùi Thị H - người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M.

**Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Riêng người bị kiện chưa thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố Tụng hành chính bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Tấn M, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M. Về án phí hành chính sơ thẩm tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện BS, Ủy ban nhân dân xã BH, anh Nguyễn Thế A, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt nhưng có gửi quan điểm bảo vệ cho người khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện. Căn cứ Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Ngày 28/9/2020, 12/10/2020, 26/10/2020 ông Nguyễn Tấn M, có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về giải quyết khiếu

nại lần hai của hộ ông Nguyễn Tấn M. Cả hai quyết định trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/12/2020 bà Phạm Thị Thúy H cung cấp tài liệu là Trích lục khai tử của người khởi kiện ông Nguyễn Tấn M và đơn tiếp tục khởi kiện đề ngày 13/12/2020 của bà Phạm Thị Thúy H, chị Nguyễn Thị Yên N (bút lục 344 -345). Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã làm thủ tục thông báo bổ sung người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện đối với bà Phạm Thị Thúy H, anh Nguyễn Thế A, chị Nguyễn Thị Yên N là đảm bảo đúng quy định tại Điều 59 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày 24/9/2021 và 29/9/2021 người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện anh Nguyễn Thế A bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện BS về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Tấn M; hủy một phần Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện BS về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Tấn M và quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện BS về điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Tấn M. Tuy nhiên, tại Văn bản trình bày ngày 03/6/2022 của ông Nguyễn Thế A và Biên bản làm việc ngày 08/10/2021, Bà H, anh Anh và chị N chỉ yêu cầu hủy hai quyết định giải quyết khiếu nại như yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn M và đề nghị xem xét đối với các Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017, Quyết định điều chỉnh giảm bồi thường hỗ trợ số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện BS.

Do đó, để có căn cứ giải quyết triệt để vụ án nói trên, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xem xét tính hợp pháp của các Quyết định có liên quan này khi giải quyết vụ án.

[2] Xét trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan: Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện BS về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Tấn M; hủy một phần Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND huyện BS về điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Tấn M:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ủy ban nhân dân huyện BS và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 22 và các Điều 62, 66, 68, 69, 74, 75, 76, 77, 79 và Điều 83 Luật đất đai năm 2013.

[3] Về trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại:

[3.1] Quyết định giải quyết khiếu nại số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS (lần đầu):

Không đồng ý với việc thu hồi, bồi thường và không cấp đất tái định cư khi thu hồi diện tích 161m² của gia đình nên ngày 24/11/2018, ông Nguyễn Tấn M khiếu nại các Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017, Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 26/4/2018, Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện BS về việc cho rằng bồi thường, hỗ trợ đơn giá bồi thường về đất 1.200.000đ/m² là quá thấp, áp giá bồi thường không đúng vị trí đất trên thực tế, không giải quyết bồi thường, hỗ trợ việc tháo dỡ nhà vòm sẽ ảnh hưởng đến kết cấu nhà của ông; không bố trí đất tái định cư và việc áp giá cây thân tài thấp.

Ngày 29/3/2019, Chủ tịch UBND huyện BS đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 30/9/2019, Chủ tịch UBND huyện BS thụ lý bổ sung nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Tấn M, nên thời hạn giải quyết khiếu nại được tính lại từ đầu kể từ ngày 30/9/2019. Ngày 16/10/2019, Chủ tịch UBND huyện BS ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3072/QĐ-UBND (lần đầu) với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Tấn M. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện BS ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

Sau khi thụ lý giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện BS ban hành Quyết định thành lập Đoàn công tác tiến hành kiểm tra, xác minh các nội dung khiếu nại, báo cáo nội dung xác minh và tiến hành tổ chức đối thoại với người khiếu nại nhưng không thành. Ngày 16/10/2019, Chủ tịch UBND huyện BS ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3072/QĐ-UBND đối với ông Nguyễn Tấn M là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại các Điều 18, 27, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

[3.2] Quyết định giải quyết khiếu nại số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (lần hai):

Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện BS. Ngày 23/11/2019 ông M khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 06/01/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thụ lý đơn khiếu nại của ông M. Ngày 31/7/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1080/QĐ-UBND (lần hai) với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ ông Nguyễn Tấn M, công nhận việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS là đúng pháp luật.

Quá trình thụ lý, giải quyết khiếu nại lần 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giao nhiệm vụ cho Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện xác minh, báo cáo nội dung xác minh và tiến hành tổ chức đối thoại với người khiếu nại nhưng không đạt kết quả. Ngày 31/7/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành được quy định tại khoản 2 Điều 21, các Điều 36, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

[4] *Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính bị kiện:*

[4.1] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1.1] Nguồn gốc thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017), xã BH: Nguyên thửa đất số 1480 (theo Bản đồ 299/TTg là thửa đất số 706, tờ bản đồ số 5) do Hợp tác xã nông nghiệp xã BH quản lý giao cho ông Bùi C, ông Nguyễn Tấn M nhận chuyển nhượng của ông Bùi C vào năm 1982 và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay và ngày 25/12/1997 Ủy ban nhân dân huyện BS đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00583, thửa đất số 706, tờ bản đồ số 5, diện tích 500m², (trong đó: 200m² đất ở nông thôn; 300m² đất trồng cây hàng năm khác) cho hộ ông Nguyễn Tấn M. Theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay, thửa đất số 1480 có diện tích 673m².

[4.1.2] Ngày 06/10/2017, UBND huyện BS thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Tấn M tại Quyết định số 1454/QĐ-UBND, diện tích đất thu hồi là 161m², loại đất: đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thuộc thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 2, diện tích 673m², xã BH (bút lục 164) nhưng bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BS cho hộ ông M như đất ở vị trí 1, khu vực 3, tỷ lệ hỗ trợ 100%, hệ số 1.10 (đơn giá cụ thể để bồi thường là 1.200.000 đồng x 1.10 = 1.320.000 đồng); tổng cộng hộ ông M được bồi thường về đất là 212.520.000 đồng là sai sót trong việc áp dụng giá đất để tính toán bồi thường cho hộ ông M (bút lục 163). Do đó, ngày 27/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện BS đã ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND đã điều chỉnh giảm giá trị bồi thường về đất của hộ ông Nguyễn Tấn M số tiền 101.430.000 đồng theo đơn giá đất HNK và chỉ hỗ trợ 50% giá đất ở (bút lục 147). Việc UBND huyện BS ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 trên là đảm bảo đúng quy định của pháp luật đất đai.

[4.1.3] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện cho rằng diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Tấn M là đất ở, không phải là đất trồng cây hàng năm khác (HNK), UBND huyện BS ban hành quyết định thu hồi đất loại đất trồng cây hàng năm khác là không đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai quy định: *Đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.* Thửa đất số 706, tờ bản đồ số 5, diện tích 500m² của hộ ông M được đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg là loại đất T, nhưng ông M không có tên đăng ký trong sổ 5b nên không đủ điều kiện để xác định diện tích bị thu hồi 161m² là đất ở (ONT).

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai quy định việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất...”*. Điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân sử dụng thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì diện tích đất ở được xác định là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp”*.

Như vậy, hộ ông Nguyễn Tấn M tại thời điểm UBND huyện BS thu hồi diện tích đất 161m², thì đối với thửa đất 706, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 2, xã BH) của hộ ông M đã được UBND huyện BS cấp Giấy CNQSDĐ có số vào sổ 00583 cấp ngày 25/12/1997 đứng tên hộ ông Nguyễn Tấn M, diện tích 500m², loại đất ONT+HNK (*trong đó: 200m² loại đất ở nông thôn; 300m² loại đất trồng cây hàng năm khác*), nên việc UBND huyện BS ban hành Quyết định thu hồi đất số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, thu hồi diện tích 161m² loại đất HNK là có căn cứ. Người khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện cho rằng diện tích bị thu hồi 161m² là đất ở (ONT), là không có cơ sở.

[4.1.4] Xét nội dung khiếu nại của người khởi kiện cho rằng giá đất tính bồi thường 1.200.000đ/m² tại Quyết định 3234/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BS đối với thửa đất 1480 tại vị trí 1, khu vực 3, xã BH là thấp so với giá thực tế, không phù hợp với giá thị trường và so sánh với mức đơn giá của ông Nguyễn Tấn M1 mua đấu giá của Nhà nước đối với quyền sử dụng thửa đất số 1485, giá trị 3.326.000 đồng/m², có vị trí 8, khu vực 1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*; điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định *“Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây... Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”*. Nên việc Ủy ban nhân dân huyện BS căn cứ theo điểm b Mục 1 Bảng giá số 1 ban hành kèm theo Quyết định 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Quảng Ngãi để áp dụng đơn giá 1.200.000đ/m² để bồi thường cho hộ ông M khi thu hồi 161m² thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 2, xã BH là đúng với quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại Điều 428, khoản 1 Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng với Điều 430, khoản 1 Điều 433 Bộ luật dân sự năm 2015) quy định “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên*”, “*Giá do các bên thỏa thuận hoặc do người thứ ba xác định theo yêu cầu của các bên*”. Tại Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 60/HĐMBTSBDG ngày 04/5/2016 (do người khởi kiện cung cấp – Bút lục 28), trong đó có nội dung: “*Theo Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 18/01/2016; Chứng thư Thẩm định giá số 43/BDS-CIVS ngày 07/3/2016 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung*”, như vậy thửa đất mà ông Nguyễn Tấn M1 mua được là do Chi cục Thi hành án dân sự huyện BS kê biên và bán đấu giá để thi hành án. Theo quy định tại điểm b khoản 2, 3 Điều 23 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản “*Đối với tài sản bán đấu giá để thi hành án, thì giá khởi điểm được xác định theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*”, “*Người mua được tài sản bán đấu giá là người giá cao nhất so với giá khởi điểm*”. Việc ông Nguyễn Tấn M khiếu nại, các thành viên trong hộ ông M, ông Nguyễn Thanh Đ so sánh giá đất ông Nguyễn Tấn M1, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện BS bồi thường giá đất cho ông phải bằng hoặc cao hơn giá 3.326.000 đồng/m² là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác, UBND huyện BS đã căn cứ theo quy định tại điểm b mục 2 bảng giá số 2 ban hành kèm Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về giá đất các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019), Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 1027-Km 1045+780 thuộc địa bàn huyện BS và điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất thì thửa đất số 1480, tờ bản đồ số 2, diện tích 673m², xã BH của hộ ông Nguyễn Tấn M quản lý, sử dụng nằm ở mặt tiền Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Cháy đến giáp cổng Khánh thuộc Vị trí 3, khu vực 1 (đơn giá 1.200.000 đồng/m²) với hệ số điều chỉnh 1,1 lần, giá đất cụ thể để bồi thường là: 1.200.000 đồng/m² x 1,1 lần = 1.320.000 đồng/m². Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đất HNK bị thu hồi được hỗ trợ 100% như bồi thường đất ở của hộ ông M là: 1.320.000 đồng/m² x 161m² = 212.520.000 đồng

Tại Biên bản đối thoại ngày 26/5/2020 (bút lục 312), ông Nguyễn Tấn M xác định thửa đất 1480, tờ bản đồ số 2 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Bùi C, gia đình ông sử dụng làm nhà ở từ năm 1982 và tại phiên tòa bà Thúy, chị N đều xác định gia đình ông M xây dựng nhà ở vào năm 1983. Xét thấy, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ khoản 5 Điều 26 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND hỗ trợ 100% giá đất ở cho hộ ông M là không đảm bảo cơ sở pháp lý nên UBND huyện BS ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND

ngày 27/8/2020 điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông M, theo quy định tại khoản 19 Điều 26 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND hỗ trợ 50% giá đất ở, giảm 101.430.000 đồng là đúng quy định.

[4.1.5] Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu được cấp 01 lô đất tái định cư, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện BS đã thu hồi của hộ ông Nguyễn Tấn M 161m² đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thuộc thửa đất số 1480, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 673m², xã BH. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì hộ ông M được Nhà nước công nhận 500m² (trong đó: 200m² đất ở nông thôn; 300m² đất trồng cây hàng năm khác) nhưng đo đạc thực tế năm 2018 thì thửa đất số 1480 có diện tích 673m² (tăng 173m²), trong khi diện tích thu hồi là 161m². Sau khi thu hồi, hộ ông M vẫn đang quản lý, sử dụng 512m², thừa so với diện tích đã được công nhận vào năm 1997. Mặt khác, theo Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại ngày 21/11/2016 thì nhà ở cấp IV.C của hộ gia đình ông M chỉ bị ảnh hưởng, không phải tháo dỡ, di dời nơi khác nên có căn cứ xác định diện tích 200m² đất ở của hộ ông M được Ủy ban nhân dân huyện BS công nhận ngày 25/12/1997 vẫn còn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau: *“Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở”*; theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013 về hỗ trợ của Nhà nước khi thu hồi đất *“Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở”*. Sau khi thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua xã BH, huyện BS, diện tích đất của hộ ông Nguyễn Tấn M còn lại là 512m², hộ ông Nguyễn Tấn M có nhà ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở. Do vậy, hộ ông Nguyễn Tấn M không được xem xét cấp đất tái định cư là đúng theo quy định tại Điều 29 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tại điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 sửa đổi Điều 31 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh quy định: *“Trường hợp có nhà ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở và chỉ bị thu hồi đất các loại đất khác trong cùng thửa đất ở thì được xem xét giao đất tái định cư bằng 25% diện tích bị thu hồi đất. Khi diện tích đất tái định cư tính để giao theo tỷ lệ nhỏ hơn 100m² thì không được giao thêm đất tái định cư”*. Như vậy diện tích đất 161m², loại đất HNK bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Tấn M, tỷ lệ xem xét giao đất tái định cư bằng 25% đối với diện tích bị thu hồi đất các loại đất khác trong cùng thửa đất ở (HNK) (161m² x 25%) = 40,25m² < 100m² nên không đảm bảo điều kiện để cấp đất tái định cư. Tại phiên tòa, bà Âu Thị T, chi

Nguyễn Thị Yến N cũng trình bày, sau khi thu hồi diện tích 161m² thì gia đình ông M vẫn sinh sống, kinh doanh trên diện tích đất còn lại sau khi thu hồi, không chuyển chỗ ở khác.

Do đó, UBND huyện BS không cấp đất tái định cho hộ ông Nguyễn Tấn M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.1.6] Từ những phân tích, nhận định trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS ban hành Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2] Xét Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn M: Như đã nhận định tại phần [4.1], Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS ban hành Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật, nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ ông Nguyễn Tấn M là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại Điều 1 của phần Quyết định thể hiện: *“Không công nhận toàn bộ khiếu nại của hộ ông Nguyễn Tấn M đối với Quyết định số: 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017....”* là chưa phù hợp, bởi Quyết định số: 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BS điều chỉnh đối với hộ ông Âu Thành Cheo, không phải hộ ông Nguyễn Tấn M. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi cần đính chính lại cho phù hợp.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện về việc hủy các Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện BS và Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi Điều 31 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt Quyết định số 73). Đây là Quyết định được áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và được áp dụng nhiều lần để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, không phải là quyết định được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể; Quyết định này không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, ông Nguyễn Tấn M yêu cầu hủy Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là không có cơ sở để Hội đồng xét xử đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý Quyết định số 73 nêu trên.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[9] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Nguyễn Tấn M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, 66, 74, 75, 76, 79, 83, 89, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4; khoản 1 Điều 15; Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 18, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 37, 38, và Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn M, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Tấn M về việc:

- Hủy Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BS về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn M (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về giải quyết khiếu nại (lần hai) của hộ ông Nguyễn Tấn M.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn M được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hoài Nam

Nguyễn Đức Nhơn

Lương Văn Hùng